

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 372/2023/DS-PT

Ngày: 10-11-2023

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Quán

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 661/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* ông Trần Văn D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1975;

2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim A - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

(Bà Kim A, ông B và bà K có mặt; bà C và ông D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-10-2022; ngày 14-3-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:

Trước đây ông Trần Văn D có vay tiền và mua thức ăn nuôi cá của bà. Đến ngày 20-3-2005, tiền vay còn lại 6.673.000 đồng và tiền mua thức ăn nuôi cá là 7.255.000 đồng, tổng cộng là 13.928.000 đồng. Tiền lãi tính đến ngày 20-7-2005 (04 tháng lãi) là 1.600.000 đồng, cộng gốc và lãi là 15.528.000 đồng. Sau đó vợ chồng ông D, bà Kim A tiếp tục mua nợ thức ăn là 2.772.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 18.300.000 đồng. Vợ chồng ông D trả được 4.300.000 đồng nên tính đến ngày 20-02-2007 hai bên chốt nợ số tiền nợ còn lại là 14.000.000 đồng. Ông D có ký tên vào giấy nợ. Do vụ việc kéo dài quá lâu nên nay bà yêu cầu đòi lại tài sản, yêu cầu vợ chồng ông D và bà Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 13.928.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị Kim A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Văn D trình bày:

Bà và ông Trần Văn D là vợ chồng. Vào ngày 20-3-2006 vợ chồng bà có mua nợ thức ăn cá và mảnh mảnh của bà C số tiền là 13.928.000 đồng (trong đó nợ tiền thức ăn cá 7.255.000 đồng, nợ tiền mảnh mảnh 6.673.000 đồng). Ông D có ký tên vào sổ nợ của bà C. Đến ngày 20-7-2006, bà C tính tiền lãi 04 tháng là 1.600.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 15.528.000 đồng. Bà C tính toán tiền gốc, tiền lãi ghi vào tờ giấy giao cho vợ chồng bà, bà C có viết tên “C” vào góc cuối tờ giấy. Sau đó bà C viết số tiền nợ vào sổ của bà nên bà C có ghi chữ “bỏ” và gạch chéo vào tờ giấy này. Hai tháng sau, vợ chồng bà tiếp tục mua nợ thức ăn của bà C số tiền 2.772.000 đồng. Tổng cộng các khoản tiền nợ gốc và lãi là 18.300.000 đồng.

Đến khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2006 âm lịch, vợ chồng bà bán cá cho bà C được 14.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền còn nợ bà C và bà có đưa thêm 4.300.000 đồng tiền mặt để trả nợ cho bà C, tổng cộng vợ chồng bà đã trả cho bà C 18.300.000 đồng là đã trả đủ tiền nợ cho bà C. Khi vợ chồng bà trả đủ tiền nợ cho bà C thì bà có yêu cầu bà C đưa lại biên nhận nợ nhưng bà C hèn lẩn hèn lợt không đưa lại biên nhận nợ. Sau đó khi bà tiếp tục đòi lại biên nhận nợ thì bà C có ký tên “C”, ghi chữ “Rồi” và có gạch chéo vào sổ của bà. Bà xác định vợ chồng bà đã trả xong nợ cho bà C nên nay không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 155, 158, 166, 288, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền 13.928.000 đồng (*Mười ba triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04-7-2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà và ông D đã trả nợ xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà A trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà A thừa nhận bà và ông D có thiếu bà C số tiền 13.928.000 đồng. Bà A cho rằng bà có bán cá cho bà C với số tiền 14.000.000 đồng để cán trừ nợ đồng thời có trả thêm tiền mặt 4.300.000 đồng nên vợ chồng bà A đã trả xong nợ cho bà C. Nhưng bà C không thừa nhận và bà A không có chứng cứ để chứng minh. Bản án sơ thẩm buộc bà A và ông D phải trả cho bà C số tiền 13.928.000 đồng là có căn cứ, kháng cáo của bà A là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A xin miễn án phí sơ thẩm. Bà A là người cao tuổi, xin miễn án phí là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà A kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà và ông D đã trả nợ xong.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị Kim C yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 13.928.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Bà Kim A cho rằng đã trả hết nợ cho bà C nên nay không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà C, xét thấy:

[4] Tại sổ ghi nợ của bà C cung cấp thể hiện đến ngày 20-02-2007, ông D còn thiếu bà C số tiền 14.000.000 đồng (trong đó có số tiền 13.928.000 đồng), có ông D ký tên chốt nợ. Bà Kim A thừa nhận vợ chồng bà có nợ bà C số tiền 13.928.000 đồng, trong đó nợ tiền thức ăn cá 7.255.000 đồng, nợ tiền mảnh mảnh 6.673.000 đồng). Bà xác định chồng bà là ông D có ký tên vào sổ nợ của bà C. Đến ngày 20-7-2006, bà C tính tiền lãi 04 tháng là 1.600.000 đồng nên tổng cộng tiền gốc và lãi là 15.528.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà tiếp tục mua nợ thức ăn của bà C với số tiền 2.772.000 đồng, tổng cộng tiền nợ gốc và lãi là 18.300.000 đồng và trong sổ của bà C cũng thể hiện có trừ số tiền 4.300.000 đồng nên còn lại là 14.000.000 đồng. Bà C chỉ yêu cầu đòi lại tài sản là số tiền là 6.673.000 đồng và tiền mua thức ăn cá là 7.255.000 đồng, tổng cộng là 13.928.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

[5] Bà Kim A trình bày: đến khoảng tháng 7, 8 năm 2006 âm lịch, vợ chồng bà bán cá cho bà C để trừ nợ 14.000.000 đồng và bà có đưa thêm cho bà C 4.300.000 đồng tiền mặt là xem như đã trả hết nợ cho bà C. Tuy nhiên bà C không thừa nhận việc vợ chồng bà Kim A bán cá cho bà để trừ số tiền nợ 14.000.000 đồng. Vợ chồng bà Kim A cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh về nội dung này. Bà C chỉ thừa nhận vợ chồng bà Kim A có trả số tiền 4.300.000 đồng. Xét thấy, bà Kim A cho rằng cùng một thời điểm khấu trừ số tiền bán cá 14.000.000 đồng bà có đưa thêm tiền mặt 4.300.000 đồng nhưng trong sổ của bà C chỉ thể hiện khấu trừ số tiền 4.300.000 đồng, không có khấu trừ số tiền 14.000.000 đồng, có ông D đồng ý ký tên.

[6] Bà Kim A có cung cấp người làm chứng là ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị K đều trình bày ông, bà chỉ biết có phụ bán cá giữa bà A và bà C, không biết vào thời gian nào, không biết số tiền là bao nhiêu và có cần trừ nợ hay không.

[7] Ngoài ra, bà Kim A trình bày ngày 20-7 bà C có viết giấy chốt số tiền nợ 15.528.000 đồng. Sau đó bà C ghi số tiền 15.528.000 đồng vào sổ của bà Kim A nên bà C có viết chữ “bỏ”, ký tên “C” và gạch chéo vào tờ giấy này. Sau khi trả xong nợ, bà C có viết chữ “Rồi”, ký tên “C” và gạch chéo vào sổ của bà Kim A. Bà Kim A cho rằng việc làm này của bà C là thể hiện vợ chồng bà đã trả xong nợ cho bà C. Tuy nhiên, bà C xác định bà C không viết chữ “bỏ”, không viết chữ “Rồi”, không gạch chéo trong giấy tờ, sổ của bà Kim A. Bà C thừa nhận có ký tên “C” vào tờ giấy và sổ của bà Kim A nhằm mục đích là để xác định số tiền mà vợ chồng bà Kim A còn nợ bà C, chứ không phải việc bà ký tên là xem như vợ chồng bà Kim A đã trả xong nợ (sổ ghi nợ do bà C giữ thì chưa được xóa nợ).

[8] Hơn nữa, theo lời khai của các đương sự đều xác định giấy nợ ghi ngày 20-7 và ngày 20-3-2006 là do vợ chồng bà Kim A quản lý cất giữ trong suốt quá trình mua bán và thanh toán nợ. Ông D, bà Kim A không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong sổ sách, giấy nợ và cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh đã trả đủ tiền nợ cho bà C. Vì vậy lời trình bày

của bà Kim A là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A không yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ viết, chữ ký trong sổ sách, giấy nợ do bà A cung cấp.

[9] Theo lời trình bày của bà Kim A, số tiền mà vợ chồng bà nợ bà C 13.928.000 đồng là do vợ chồng bà mua thức ăn nuôi cá và mành mành để bao địa cá. Xét thấy đây là nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng thỏa thuận xác lập nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, vợ chồng ông D, bà Kim A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền 13.928.000 đồng.

[10] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền 13.928.000 đồng là có căn cứ. Bà A kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy, bà A là người cao tuổi, xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm, buộc ông Trần Văn D chịu 348.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà A, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà A là có căn cứ.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim A;

Sửa Bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đối với phần án phí dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 155, 158, 166, 288, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim C.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim C số tiền 13.928.000 đồng (*Mười ba triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, nếu chậm trả tiền thì ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Kim A còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim C không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 348.200 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004405 ngày 14-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ông Trần Văn D chịu 348.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim A được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

